

(1)

MÁY BƠM LY TÂM MODEL CM

HOWAKI®

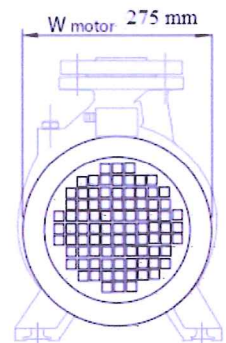
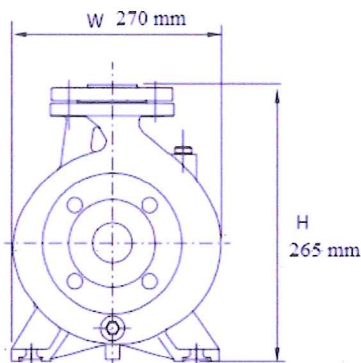
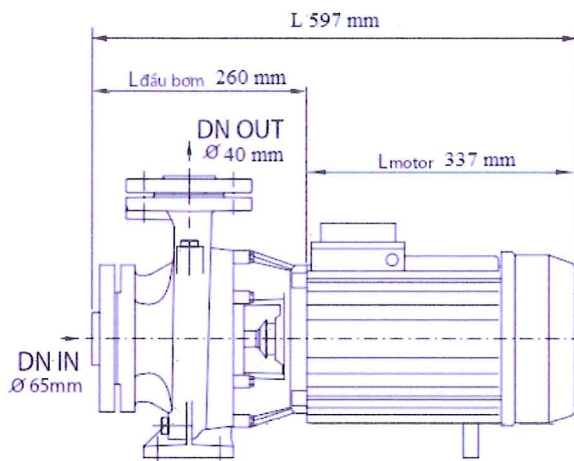
ISO: 9001 : 2015

TCVN 5699-2-4: 2007

MÁY BƠM LY TÂM TRỤC NGANG ĐẦU LIỀN

APPLICATION

- Building
- Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
- Fire-fighting systems
- General industry (plastics, paint, textiles, paper)
- Heating systems, air-conditioning, cooling tower
- Swimming pool, washing systems...
- * Standard supply with counter-flange

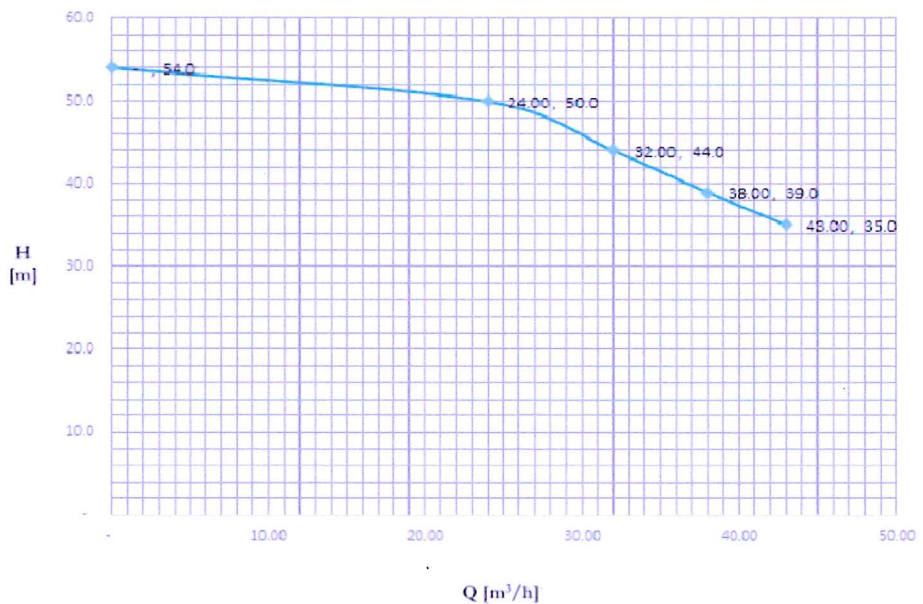
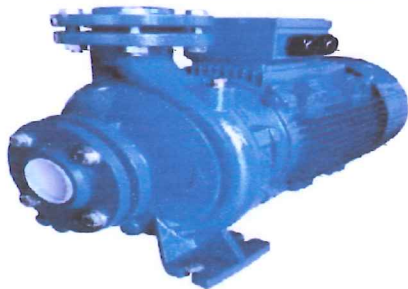
THÔNG SỐ KỸ THUẬT
BƠM CHỮA CHÁY

CM 40 - 200 A

KW = 7.5 - HP = 10

Q (m³/h) = 24 - 43

H (m) = 50 - 35



TYPE	POWER HP	Q (m ³ /h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	24.00	32.00	38.00	43.00		
CM 40 - 200A	10	54.0	50.0	44.0	39.0	35.0	205	85



(2)

MÁY BƠM LY TÂM MODEL CM

HOWAKI®

ISO: 9001: 2015

TCVN 5699-2-41:2007

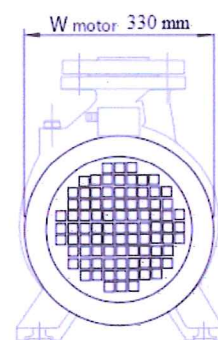
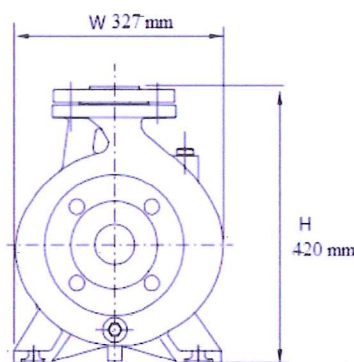
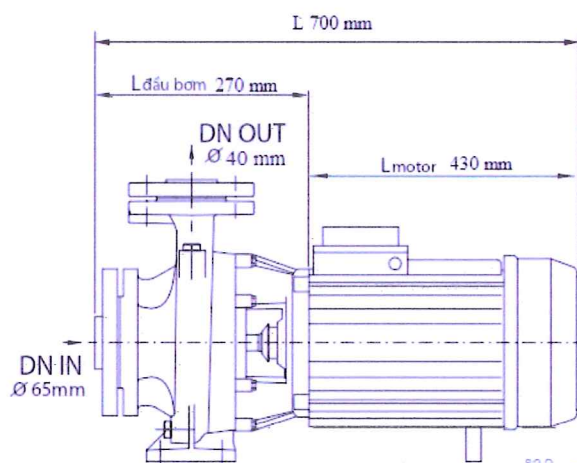
MÁY BƠM LY TÂM TRỤC NGANG ĐẦU LIỀN



- Xây dựng nhà cao tầng
- Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước
- Hệ thống chữa cháy
- Công nghiệp (Hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
- Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
- Hồ bơi, hệ thống rửa ...
- * Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

APPLICATION

- Building
- Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
- Fire-fighting systems
- General industry (plastics, paint, textiles, paper)
- Heating systems, air-conditioning, cooling tower
- Swimming pool, washing systems...
- * Standard supply with counter-flange

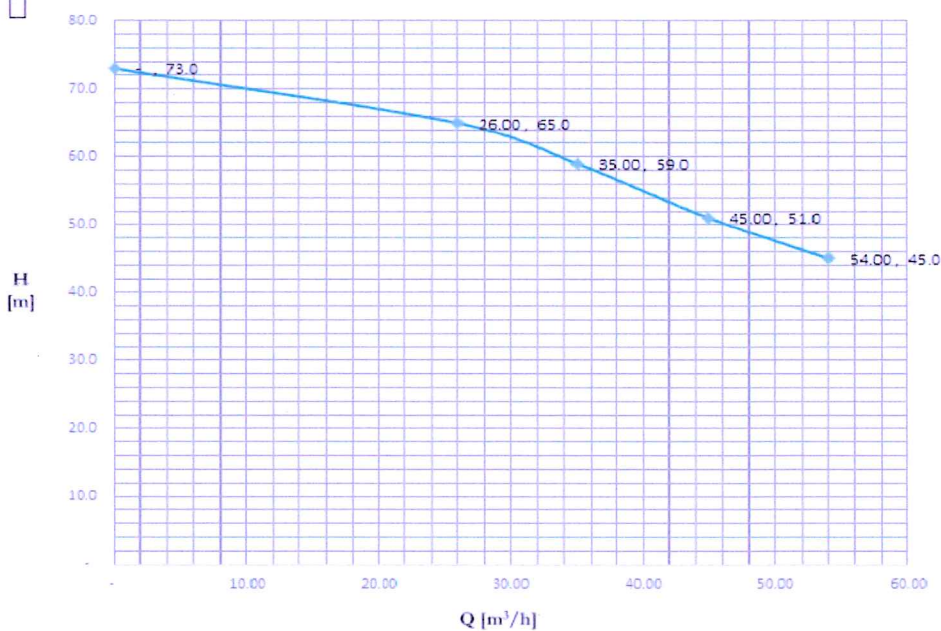
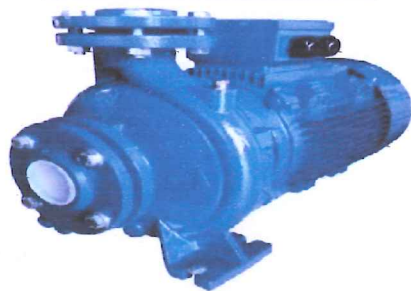
THÔNG SỐ KỸ THUẬT
BƠM CHỮA CHÁY

CM 40 - 250 B

KW = 11 - HP = 15

Q (m³/h) = 26 - 54

H (m) = 65 - 45



TYPE	POWER	Q (m³/h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	26.00	35.00	45.00	54.00		
	HP	H (m)						
CM 40-250 B	15	73.0	65.0	59.0	51.0	45.0	240	130



(4)

MÁY BƠM LY TÂM MODEL CM

HOWAKI®



ISO: 9001 : 2015
TCVN 5699-2-41:2007

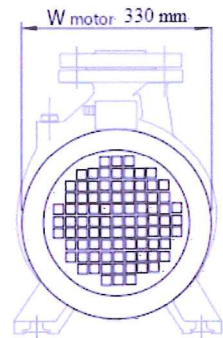
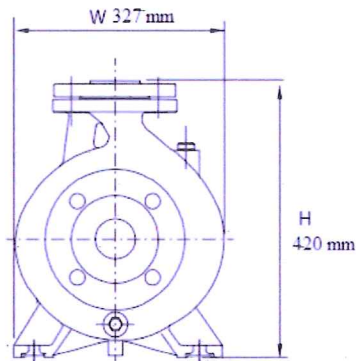
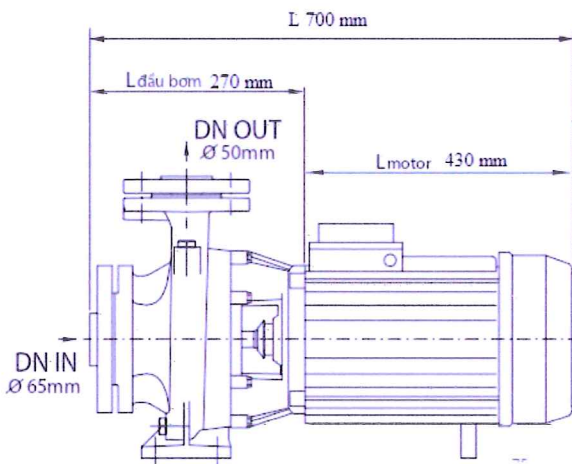
MÁY BƠM LY TÂM TRỤC NGANG ĐẦU LIỀN



- Xây dựng nhà cao tầng
- Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước
- Hệ thống chữa cháy
- Công nghiệp (Hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
- Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
- Hồ bơi, hệ thống rửa ...
- * Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

APPLICATION

- Building
- Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
- Fire-fighting systems
- General industry (plastics, paint, textiles, paper)
- Heating systems, air-conditioning, cooling tower
- Swimming pool, washing systems...
- * Standard supply with counter-flange



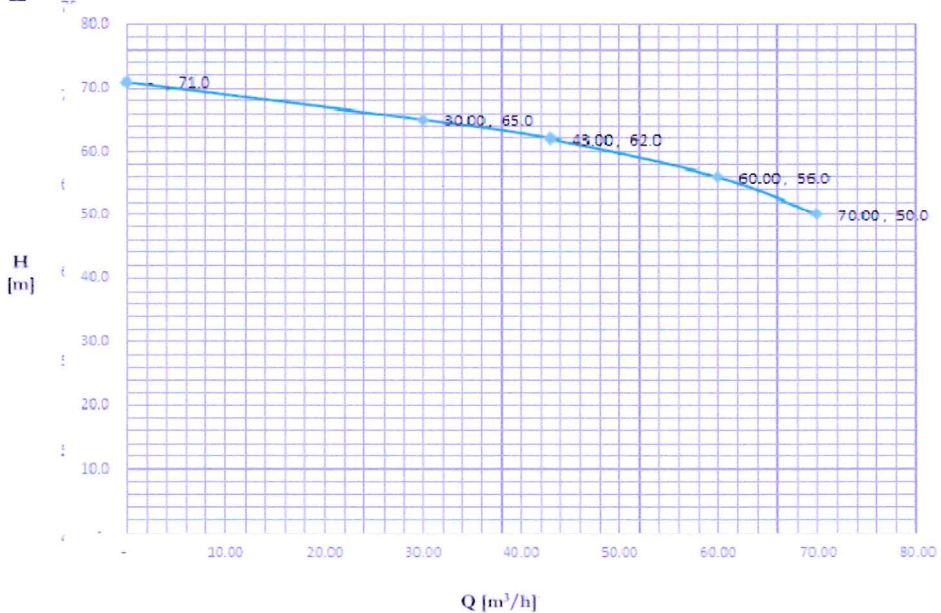
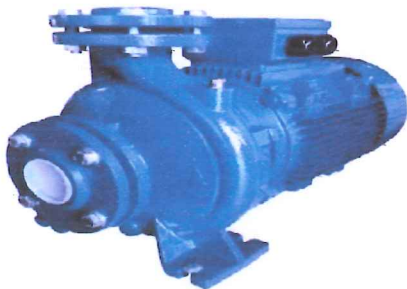
THÔNG SỐ KỸ THUẬT BƠM CHỮA CHÁY

CM 50 - 250 C

KW = 15 - HP = 20

Q (m³/h) = 30 - 70

H (m) = 65 - 50



TYPE	POWER	Q (m ³ /h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	30.00	43.00	60.00	70.00		
	HP	H (m)						
CM 50-250 C	20	71.0	65.0	62.0	56.0	50.0	220	130



HOWAKI®



ISO: 9001 : 2015

TCVN 5699-2-41:2007

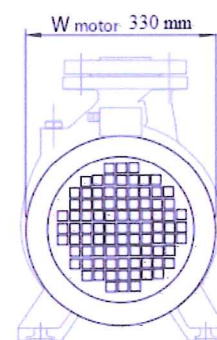
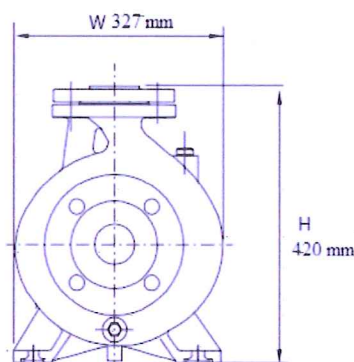
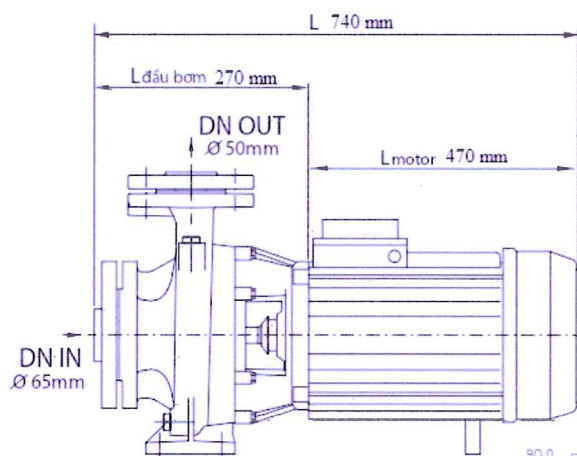
MÁY BƠM LY TÂM TRỤC NGANG ĐẦU LIỀN



- Xây dựng, nhà cao tầng
- Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước
- Hệ thống chữa cháy
- Công nghiệp (Hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
- Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
- Hồ bơi, hệ thống rửa ...
- * Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

APPLICATION

- Building
- Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
- Fire-fighting systems
- General industry (plastics, paint, textiles, paper)
- Heating systems, air-conditioning, cooling tower
- Swimming pool, washing systems...
- * Standard supply with counter-flange

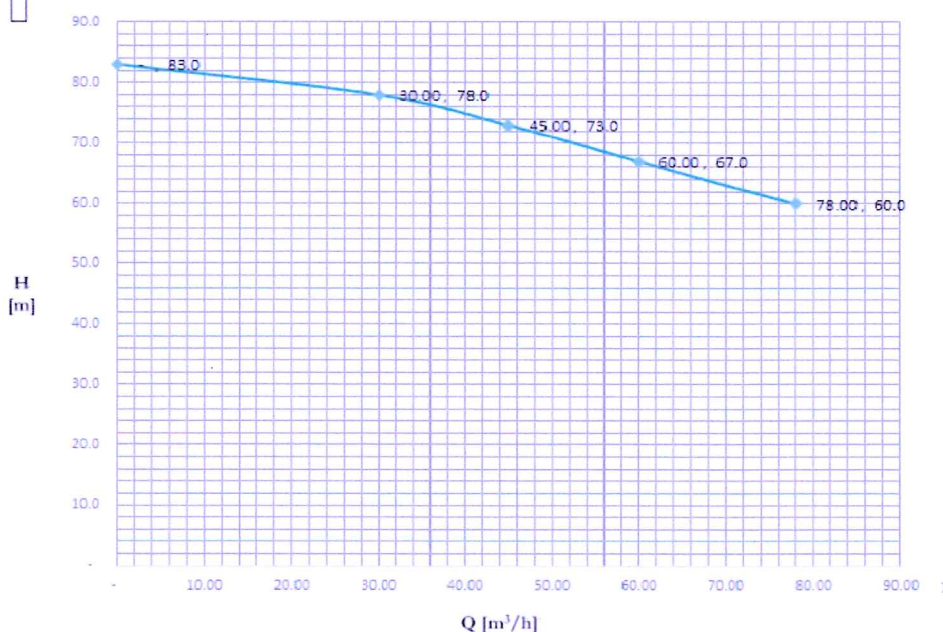
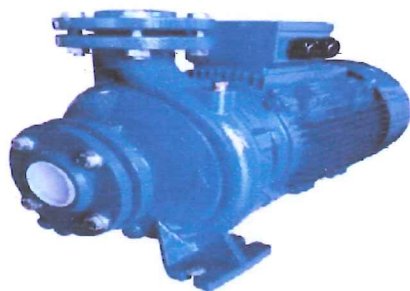


THÔNG SỐ KỸ THUẬT BƠM CHỮA CHÁY CM50 - 250 B

KW = 18.5 - HP = 25

Q (m³/h) = 30 - 78

H (m) = 78 - 60



TYPE	POWER	Q (m³/h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	30.00	45.00	60.00	78.00		
	HP	H (m)						
CM 50-250 B	25	83.0	78.0	73.0	67.0	60.0	230	150

(6)

MÁY BƠM LY TÂM MODEL CM



HOWAKI®



ISO: 9001 : 2015

TCVN 5699-2-41:2007

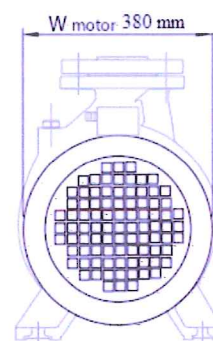
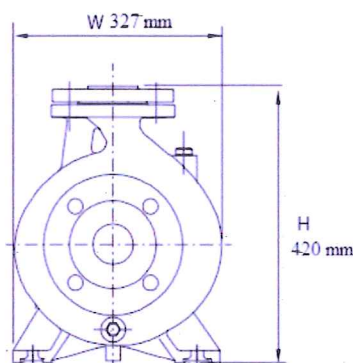
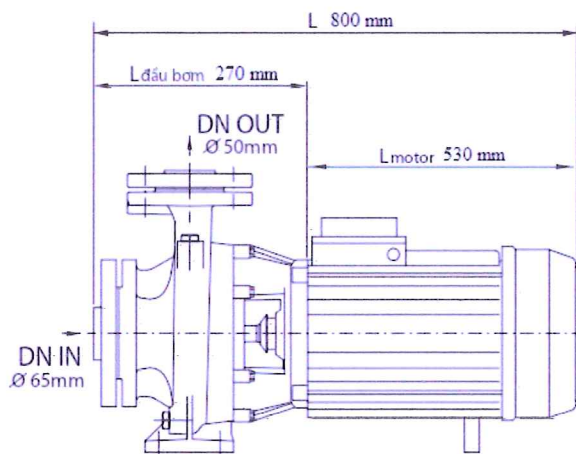
MÁY BƠM LY TÂM TRỤC NGANG ĐẦU LIỀN

ỨNG DỤNG

- Xây dựng nhà cao tầng
 - Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước
 - Hệ thống chữa cháy
 - Công nghiệp (Hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
 - Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
 - Hồ bơi, hệ thống rửa ...
- * Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

APPLICATION

- Building
 - Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
 - Fire-fighting systems
 - General industry (plastics, paint, textiles, paper)
 - Heating systems, air-conditioning, cooling tower
 - Swimming pool, washing systems...
- * Standard supply with counter-flange



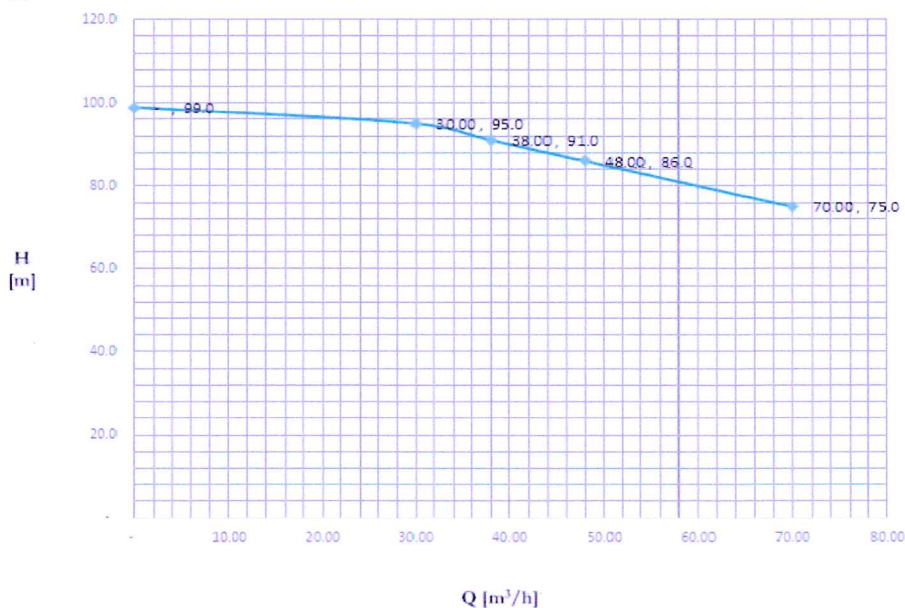
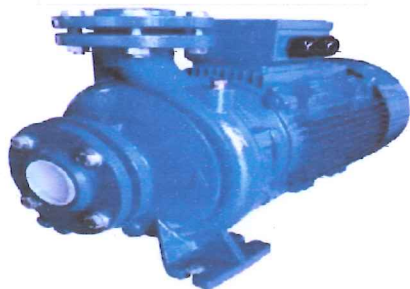
THÔNG SỐ KỸ THUẬT BƠM CHỮA CHÁY

CM 50 - 250 A

KW = 22 - HP = 30

Q (m³/h) = 30 - 70

H (m) = 95 - 75



TYPE	POWER	Q (m ³ /h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	30.00	38.00	48.00	70.00		
	HP	H (m)						
CM 50-250 A	30	99.0	95.0	91.0	86.0	75.0	265	220



HOWAKI®



ISO: 9001 : 2015
TCVN 5699-2-41:2007



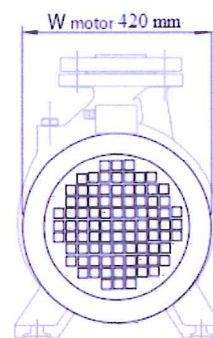
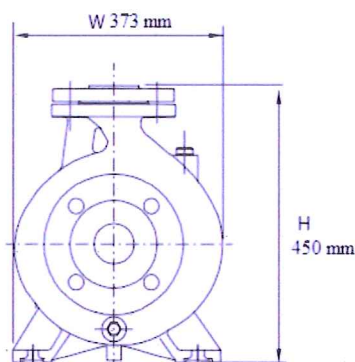
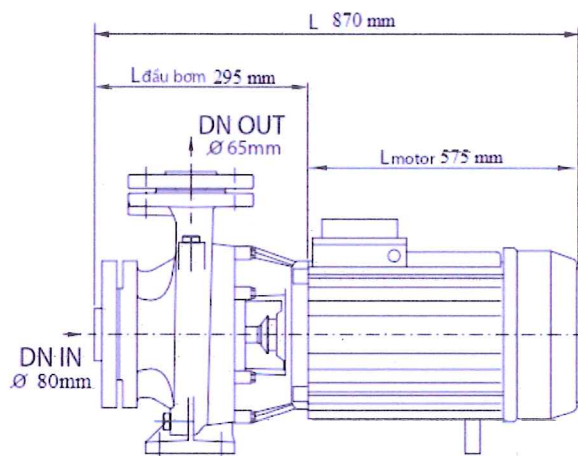
MÁY BOM LY TÂM TRỤC NGANG ĐẦU LIỀN

ỨNG DỤNG

- Xây dựng, nhà cao tầng
 - Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước
 - Hệ thống chữa cháy
 - Công nghiệp (Hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
 - Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
 - Hồ bơi, hệ thống rửa ...
- * Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

APPLICATION

- Building
 - Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
 - Fire-fighting systems
 - General industry (plastics, paint, textiles, paper)
 - Heating systems, air-conditioning, cooling tower
 - Swimming pool, washing systems...
- * Standard supply with counter-flange



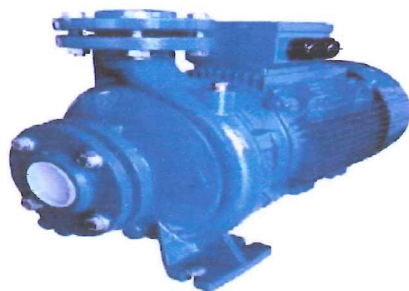
THÔNG SỐ KỸ THUẬT BƠM CHỮA CHÁY

CM 65 -250 B

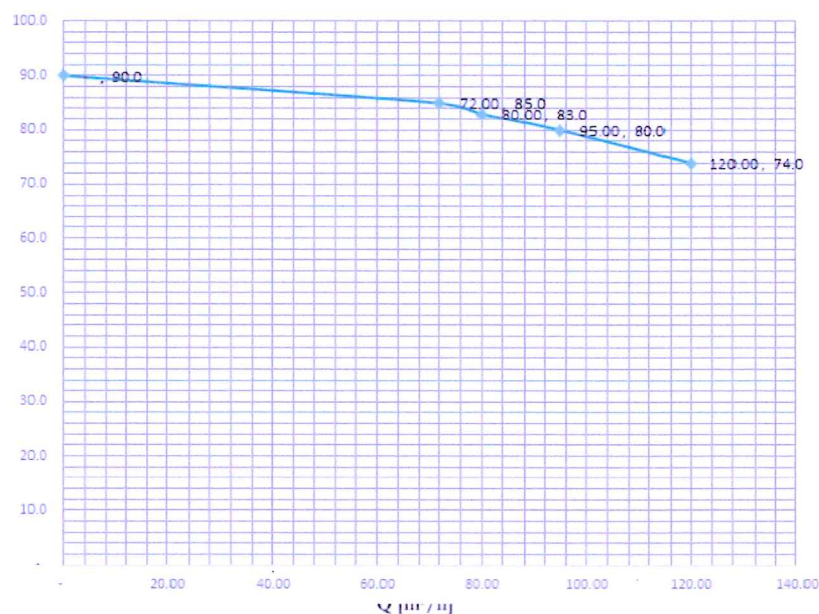
KW = 30 - HP = 40

Q (m³/h) = 72 - 120

H (m) = 85 - 74



H
[m]



TYPE	POWER HP	Q (m ³ /h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	72.00	80.00	95.00	120.00		
CM 65 -250 B	40	90.0	85.0	83.0	80.0	74.0	258	300



HOWAKI®

ISO 9001



ISO 9001



ISO: 9001 : 2015
TCVN 5699-2-41:2007



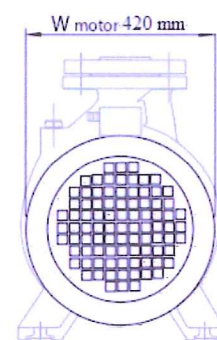
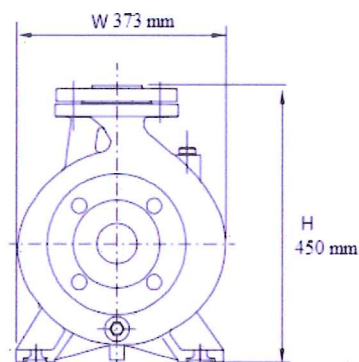
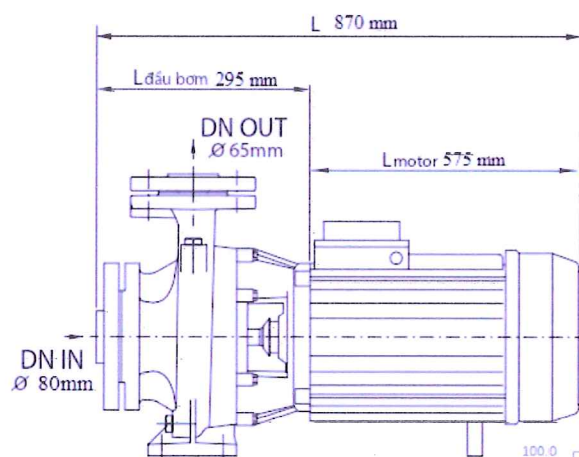
MÁY BƠM LY TÂM TRỤC NGANG ĐẦU LIỀN

ỨNG DỤNG

- Xây dựng, nhà cao tầng
 - Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước
 - Hệ thống chữa cháy
 - Công nghiệp (Hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
 - Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
 - Hồ bơi, hệ thống rửa ...
- * Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

APPLICATION

- Building
 - Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
 - Fire-fighting systems
 - General industry (plastics, paint, textiles, paper)
 - Heating systems, air-conditioning, cooling tower
 - Swimming pool, washing systems...
- * Standard supply with counter-flange



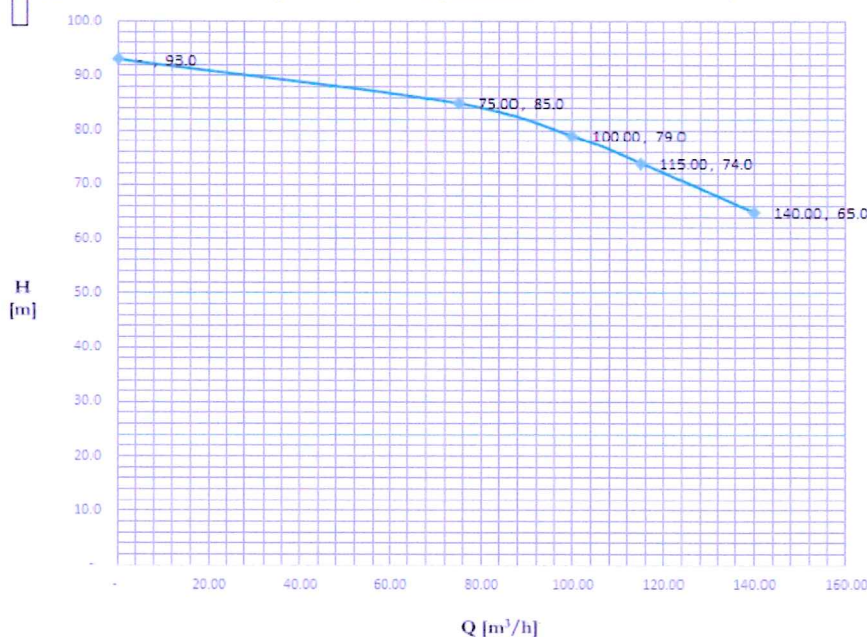
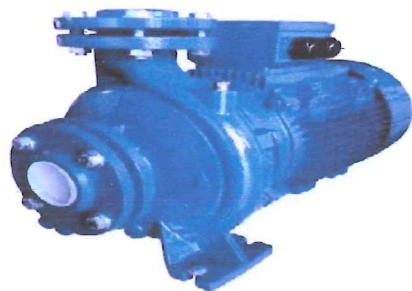
THÔNG SỐ KỸ THUẬT BƠM CHỮA CHÁY

CM 65 - 250 A

KW = 37.5 - HP = 50

Q (m³/h) = 75 - 140

H (m) = 85 - 65



TYPE	POWER HP	Q (m ³ /h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	75.00	100.00	115.00	140.00		
CM 65-250 A	50	93.0	85.0	79.0	74.0	65.0	265	320



HOWAKI®



ISO: 9001 : 2015

TCVN 5699-2-41:2007

MÁY BƠM NƯỚC ĐỘNG CƠ DIESEL

ỨNG DỤNG

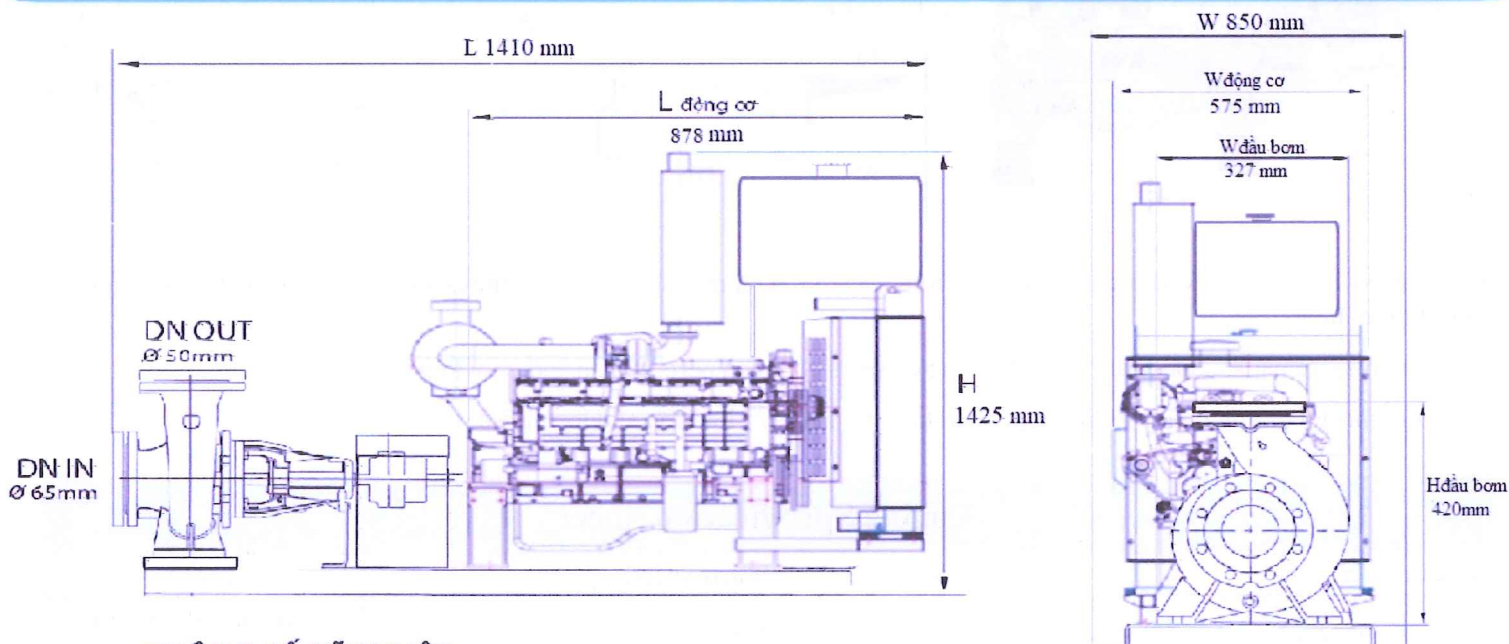
- Xây dựng, nhà cao tầng
- Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước
- Hệ thống chữa cháy
- Công nghiệp (Hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
- Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
- Hồ bơi, hệ thống rửa ...

* Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

APPLICATION

- Building
- Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
- Fire-fighting systems
- General industry (plastics, paint, textiles, paper)
- Heating systems, air-conditioning, cooling tower
- Swimming pool, washing systems...

* Standard supply with counter-flange



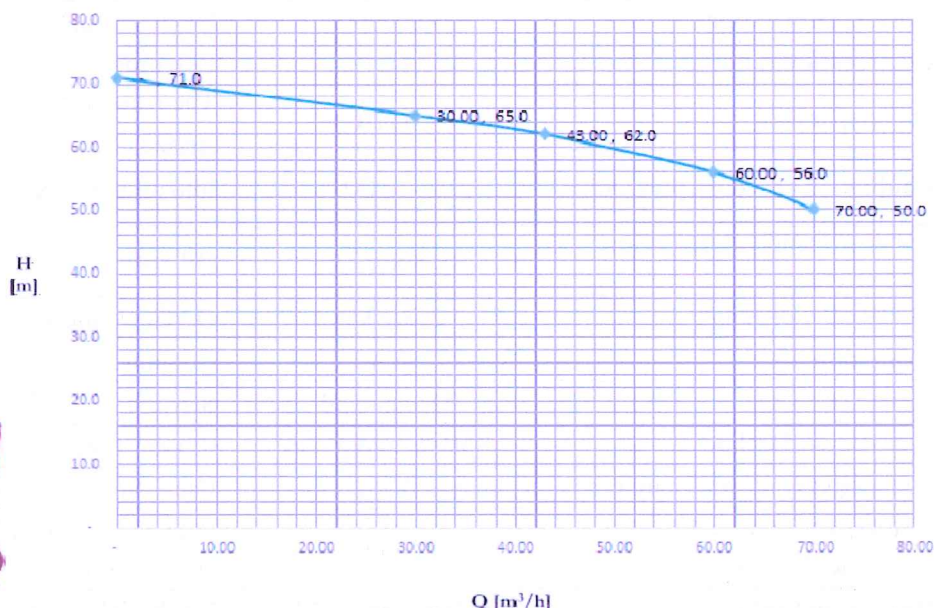
THÔNG SỐ KỸ THUẬT BƠM CHỮA CHÁY

CH 50 - 250 C

KW = 15 - HP = 20

Q (m³/h) = 30 - 70

H (m) = 65 - 50



TYPE	POWER	Q (m ³ /h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	30.00	43.00	60.00	70.00		
	HP	H (m)						
CH 50-250 C	20	71.0	65.0	62.0	56.0	50.0	225	420



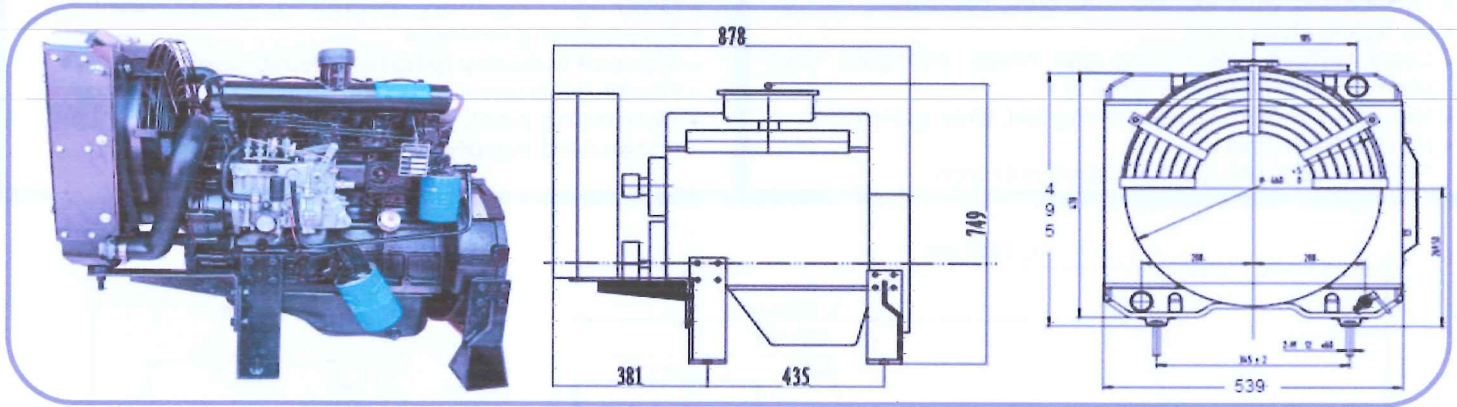
HOWAKI®

MÁY BƠM NƯỚC ĐỘNG CƠ DIESEL



ISO: 9001 : 2015
TCVN 5699-2-41:2007

ZH490P DIESEL ENGINE



- Advanced Technology & Design Originated from Ricardo, with more compact structures, engine overhaul can meet more than 12,000 hours;
- Common spare parts could share with Weifang engine's common parts, cheap and easy to get in market;
- Environmental & low fuel consumption, operation with lesser vibration and low noise;

Engine Specification Sheet

Rated Power:	38 KW	Rated Speed (rpm):	2.900
No. of Cylinders:	4	Type:	Vertical in-line, water cooling, 4-stroke
Bore & Stroke (mm):	90 x 100	Displacement (L):	2.540
Compression ratio:	18:1	Fire order:	1-3-4-2
Oil temperature	$\leq 95 (^{\circ}\text{C})$	The water temperature of cooling water:	75 - 90 ($^{\circ}\text{C}$)
Calibration speed oil pressure:	0.2 - 0.4MPa	Idle oil pressure:	$\geq 0.098\text{MPa}$
Exhaust Temperature (before the vortex)	$\leq 500 (^{\circ}\text{C})$	Oil level:	Superior CD15W/40
Min. Fuel Consumption	$\leq 253 \text{ g/kW.h}$	Oil Consumption	$\leq 1 \text{ g/kW.h}$
Aspiration (*):	NA	Cooling method:	Close water-cooling
Governor Type:	Mechanical	Starting Method:	Electric, 12V
Lubrication Method:	Splash compound	Combustion Method:	Direct Injection
Fuel delivery advance angle:	$12 \pm 1^{\circ}$	Fuel Type:	National standard diesel
Crankshaft rotation direction (from the flywheel end):	Counterclockwise	Fuel Consumption (100% load):	11 L/h
Dimension (mm)	878 x 575 x 749	Net Weight (kg):	240

*) : TCI = Turbocharged and Intercooled, TC= Turbocharged, NA= Natural Aspirated

Note: Due to continuous development and product improvements, the engine's specification/ details are subject to change without prior notice.

ISO: 9001 : 2015

TCVN 5699-2-41:2007

HOWAKI®

MÁY BƠM NƯỚC ĐỘNG CƠ DIESEL

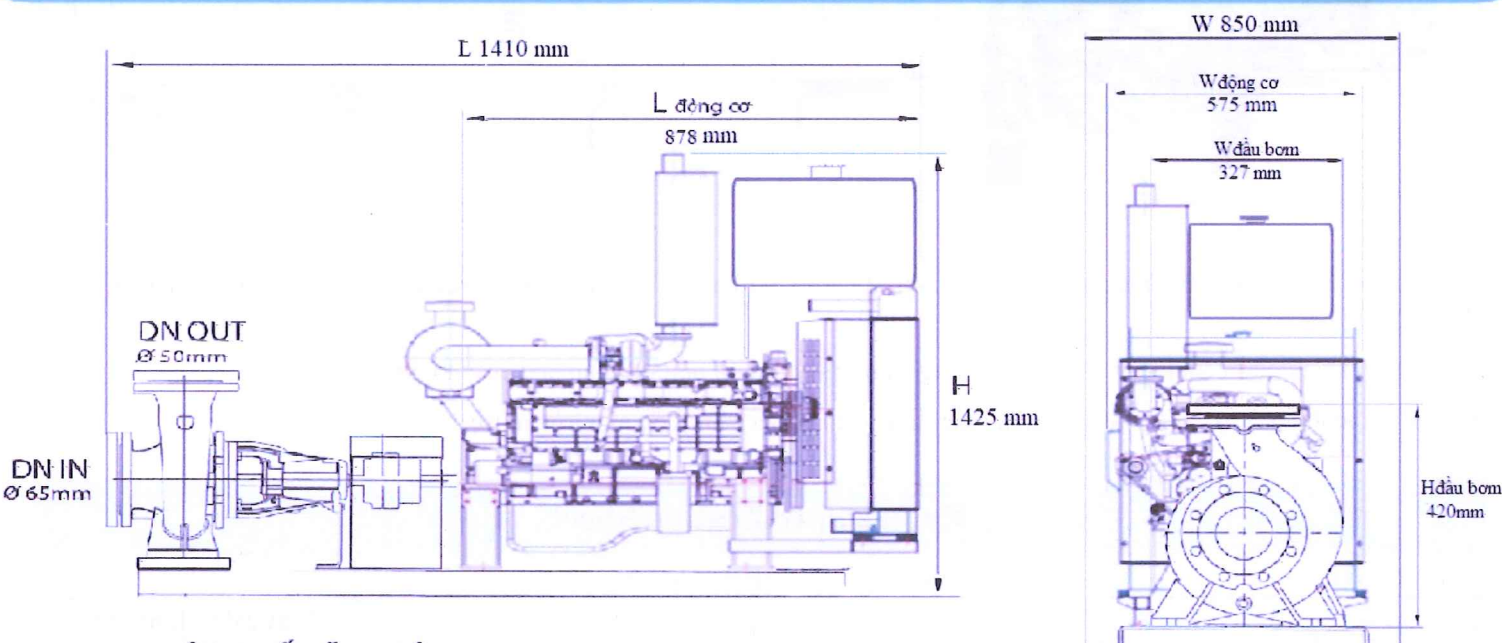
ỨNG DỤNG

- Xây dựng, nhà cao tầng
- Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước
- Hệ thống chữa cháy
- Công nghiệp (Hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
- Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
- Hồ bơi, hệ thống rửa ...

* Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

APPLICATION

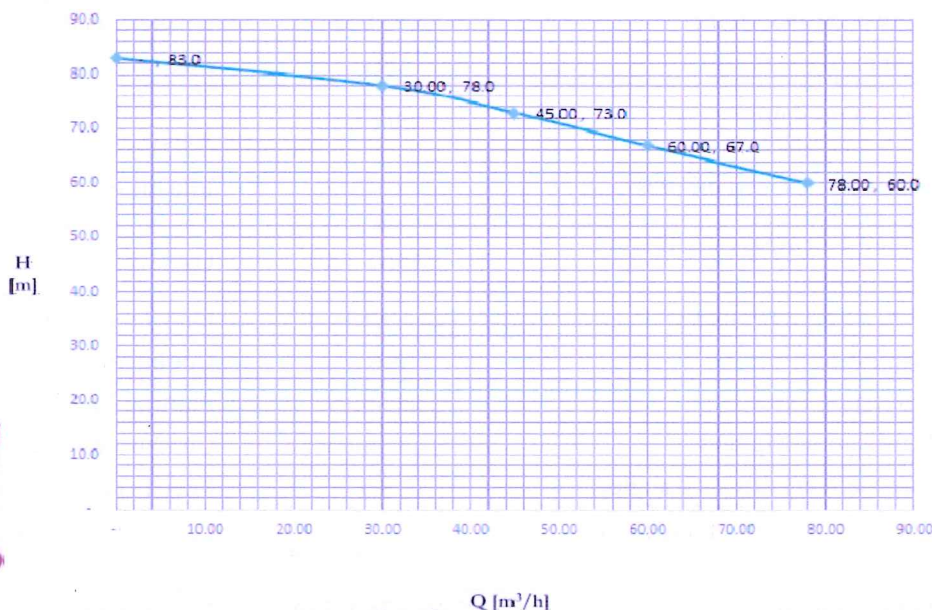
- Building
- Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
- Fire-fighting systems
- General industry (plastics, paint, textiles, paper)
- Heating systems, air-conditioning, cooling tower
- Swimming pool, washing systems...
- * Standard supply with counter-flange



THÔNG SỐ KỸ THUẬT BƠM CHỮA CHÁY

CH 50 - 250 B

KW = 18.5 - HP = 25

$$Q \text{ (m}^3\text{/h)} = 30 - 78$$
$$H. (m) = 78 - 60.$$


TYPE	POWER	Q (m ³ /h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	30.00	45.00	60.00	78.00		
	HP	H (m)						
CH 50-250 B	25	83.0	78.0	73.0	67.0	60.0	235	425



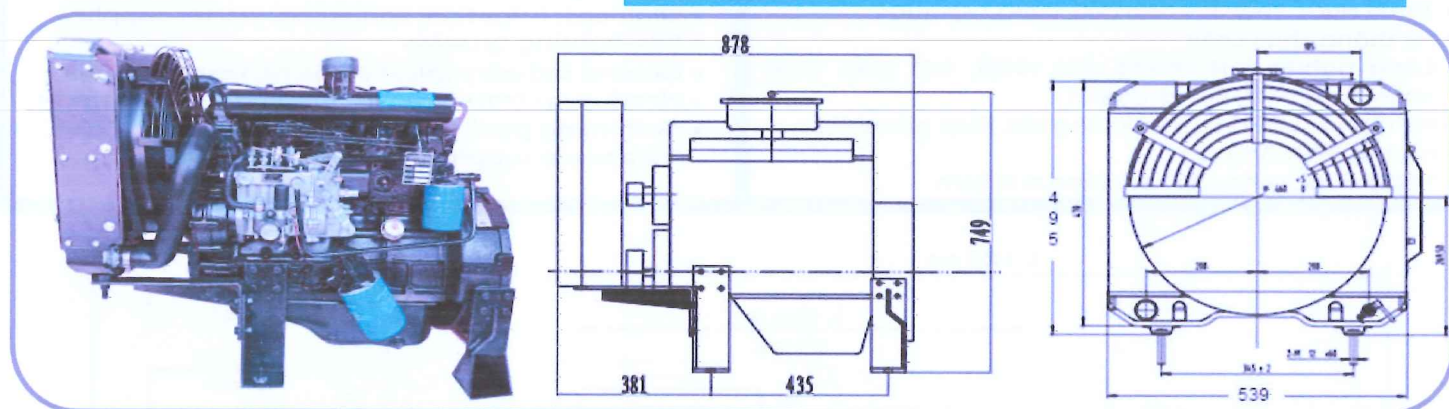
ISO: 9001 : 2015
TCVN 5699-2-41:2007

HOWAKI®

MÁY BƠM NƯỚC ĐÔNG CƠ DIESEL



ZH490P DIESEL ENGINE



- Advanced Technology & Design Originated from Ricardo, with more compact structures, engine overhaul can meet more than 12,000 hours;
- Common spare parts could share with Weifang engine's common parts, cheap and easy to get in market;
- Environmental & low fuel consumption, operation with lesser vibration and low noise;

Engine Specification Sheet

Rated Power:	38 KW	Rated Speed (rpm):	2.900
No. of Cylinders:	4	Type:	Vertical in-line, water cooling, 4-stroke
Bore & Stroke (mm):	90 x 100	Displacement (L):	2.540
Compression ratio:	18:1	Fire order:	1-3-4-2
Oil temperature	$\leq 95 (^{\circ}\text{C})$	The water temperature of cooling water:	75 - 90 ($^{\circ}\text{C}$)
Calibration speed oil pressure:	0.2 - 0.4MPa	Idle oil pressure:	$\geq 0.098\text{MPa}$
Exhaust Temperature (before the vortex)	$\leq 500 (^{\circ}\text{C})$	Oil level:	Superior CD15W/40
Min. Fuel Consumption	$\leq 253 \text{ g/kW.h}$	Oil Consumption	$\leq 1 \text{ g/kW.h}$
Aspiration (*):	NA	Cooling method:	Close water-cooling
Governor Type:	Mechanical	Starting Method:	Electric, 12V
Lubrication Method:	Splash compound	Combustion Method:	Direct Injection
Fuel delivery advance angle:	$12 \pm 1^{\circ}$	Fuel Type:	National standard diesel
Crankshaft rotation direction (from the flywheel end):	Counterclockwise	Fuel Consumption (100% load):	11 L/h
Dimension (mm)	878 x 575 x 749	Net Weight (kg):	240

*) : TCI = Turbocharged and Intercooled, TC= Turbocharged, NA= Natural Aspirated

Note: Due to continuous development and product improvements, the engine's specification/ details are subject to change without prior notice.



(11)

MÁY BƠM NƯỚC MODEL CH

HOWAKI®ISO: 9001 : 2015
TCVN 5699-2-41:2007**ỨNG DỤNG**

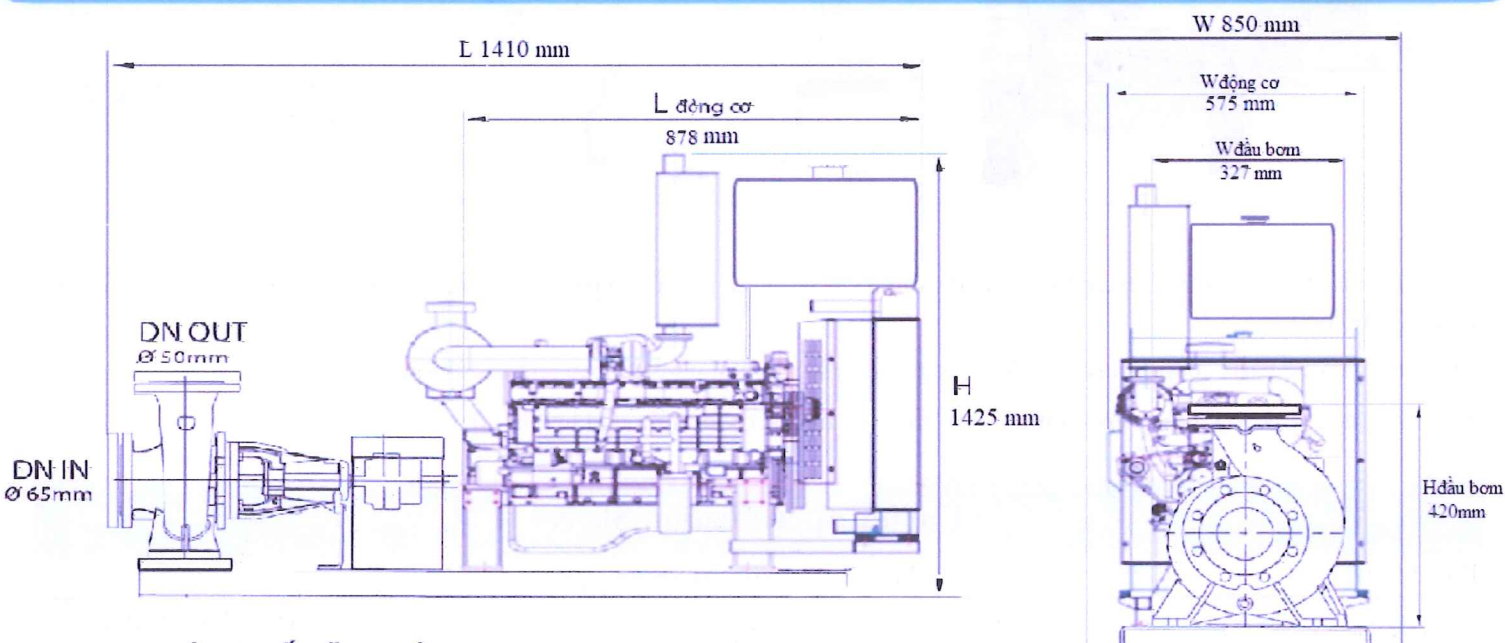
- Xây dựng, nhà cao tầng
- Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước
- Hệ thống chữa cháy
- Công nghiệp (Hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
- Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
- Hồ bơi, hệ thống rửa ...

* Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

APPLICATION

- Building
- Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
- Fire-fighting systems
- General industry (plastics, paint, textiles, paper)
- Heating systems, air-conditioning, cooling tower
- Swimming pool, washing systems...

* Standard supply with counter-flange

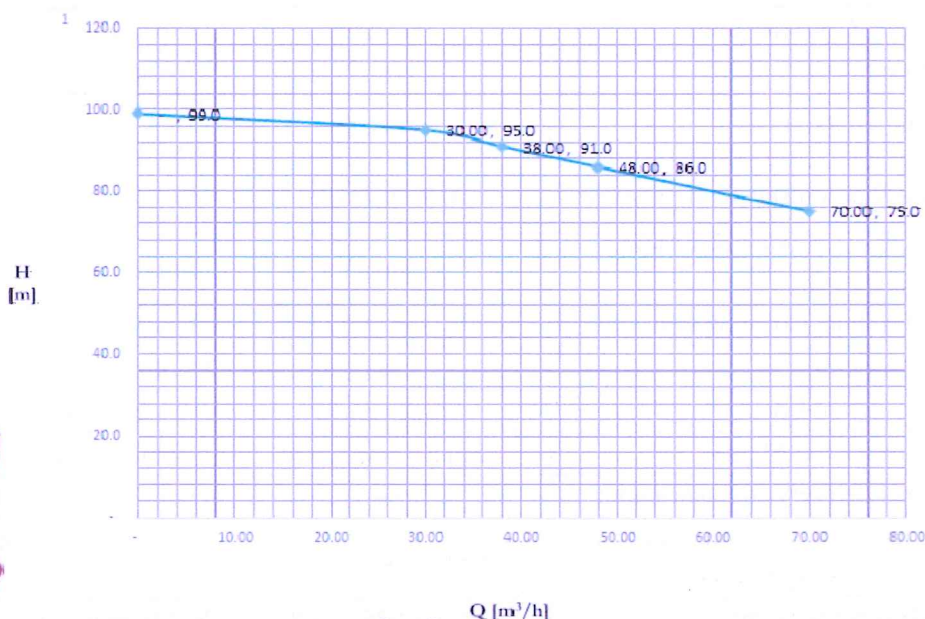
**THÔNG SỐ KỸ THUẬT
BƠM CHỮA CHÁY**

CH 50 - 250 A

KW = 22 - HP = 30

Q (m³/h) = 30 - 70

H (m) = 95 - 75



TYPE	POWER	Q (m ³ /h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	30.00	38.00	48.00	70.00		
	HP	H (m)						
CH 50-250 A	30	99.0	95.0	91.0	86.0	75.0	265	425



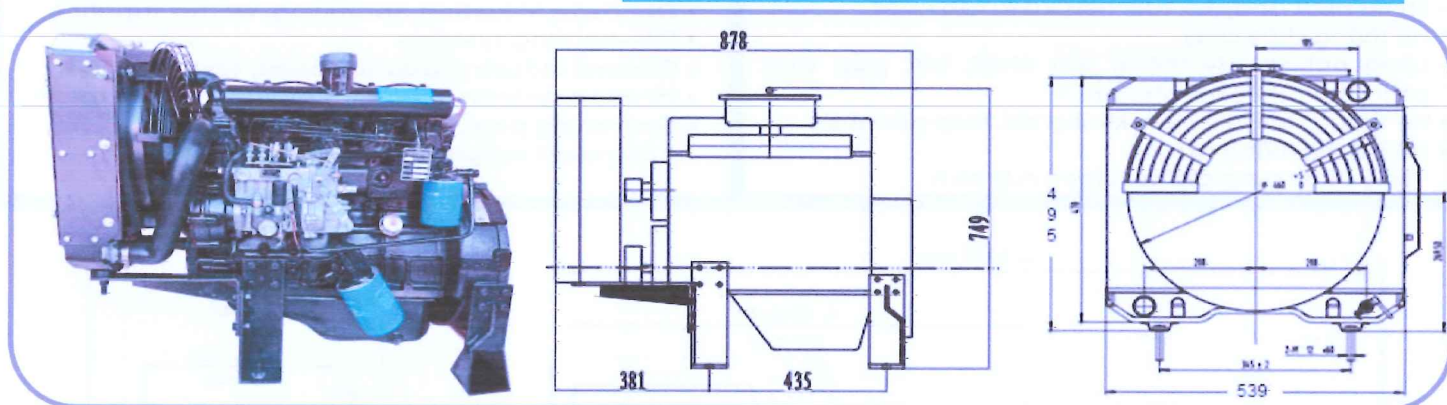
ISO: 9001 : 2015
TCVN 5699-2-41:2007

HOWAKI®

MÁY BƠM NƯỚC ĐÔNG CƠ DIESEL



ZH490P DIESEL ENGINE



- Advanced Technology & Design Originated from Ricardo, with more compact structures, engine overhaul can meet more than 12,000 hours;
- Common spare parts could share with Weifang engine's common parts, cheap and easy to get in market;
- Environmental & low fuel consumption, operation with lesser vibration and low noise;

Engine Specification Sheet

Rated Power:	38 KW	Rated Speed (rpm):	2.900
No. of Cylinders:	4	Type:	Vertical in-line, water cooling, 4-stroke
Bore & Stroke (mm):	90 x 100	Displacement (L):	2.540
Compression ratio:	18:1	Fire order:	1-3-4-2
Oil temperature	≤ 95 (°C)	The water temperature of cooling water:	75 - 90 (°C)
Calibration speed oil pressure:	0.2 - 0.4MPa	Idle oil pressure:	≥ 0.098MPa
Exhaust Temperature (before the vortex)	≤ 500 (°C)	Oil level:	Superior CD15W/40
Min. Fuel Consumption	≤ 253 g/kW.h	Oil Consumption	≤ 1 g/kW.h
Aspiration (*):	NA	Cooling method:	Close water-cooling
Governor Type:	Mechanical	Starting Method:	Electric, 12V
Lubrication Method:	Splash compound	Combustion Method:	Direct Injection
Fuel delivery advance angle:	12 ± 1°	Fuel Type:	National standard diesel
Crankshaft rotation direction (from the flywheel end):	Counterclockwise	Fuel Consumption (100% load):	11 L/h
Dimension (mm)	878 x 575 x 749	Net Weight (kg):	240

*) : TCI = Turbocharged and Intercooled, TC= Turbocharged, NA= Natural Aspirated

Note: Due to continuous development and product improvements, the engine's specification/ details are subject to change without prior notice.



(12)

MÁY BƠM NƯỚC MODEL CH

HOWAKI®



ISO: 9001 : 2015

TCVN 5699-2-41:2007

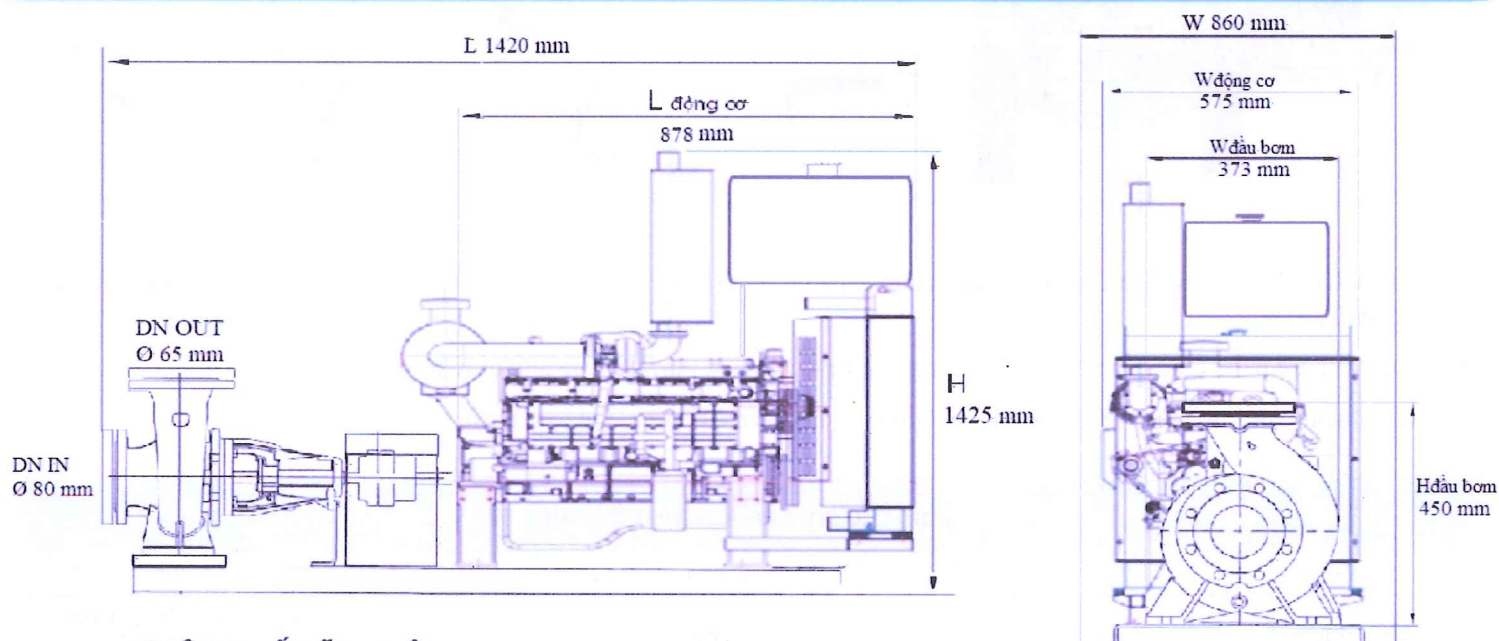
MÁY BƠM NƯỚC ĐỘNG CƠ DIESEL

ỨNG DỤNG

- Xây dựng, nhà cao tầng
- Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước
- Hệ thống chữa cháy
- Công nghiệp (Hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
- Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
- Hồ bơi, hệ thống rửa ...
- * Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

APPLICATION

- Building
- Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
- Fire-fighting systems
- General industry (plastics, paint, textiles, paper)
- Heating systems, air-conditioning, cooling tower
- Swimming pool, washing systems...
- * Standard supply with counter-flange



THÔNG SỐ KỸ THUẬT BƠM CHỮA CHÁY

CH 65 - 250 B

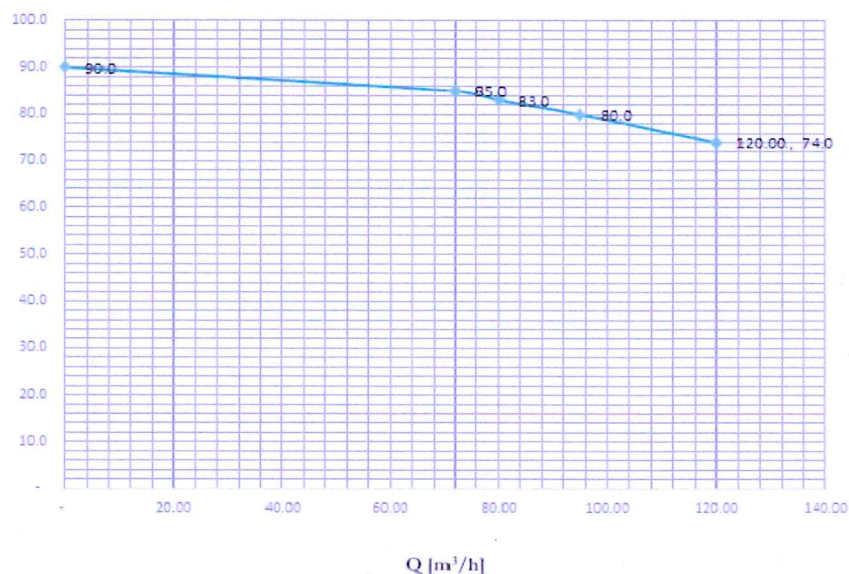
KW = 30 - HP = 40

Q (m³/h) = 72 - 120

H (m) = 85 - 74



H
[m]



Q [m³/h]

TYPE	POWER	Q (m ³ /h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	72.00	80.00	95.00	120.00		
	HP	H (m)						
CH 65 -250 B	40	90.0	85.0	83.0	80.0	74.0	265	430



ISO: 9001 : 2015
TCVN 5699-2-41:2007

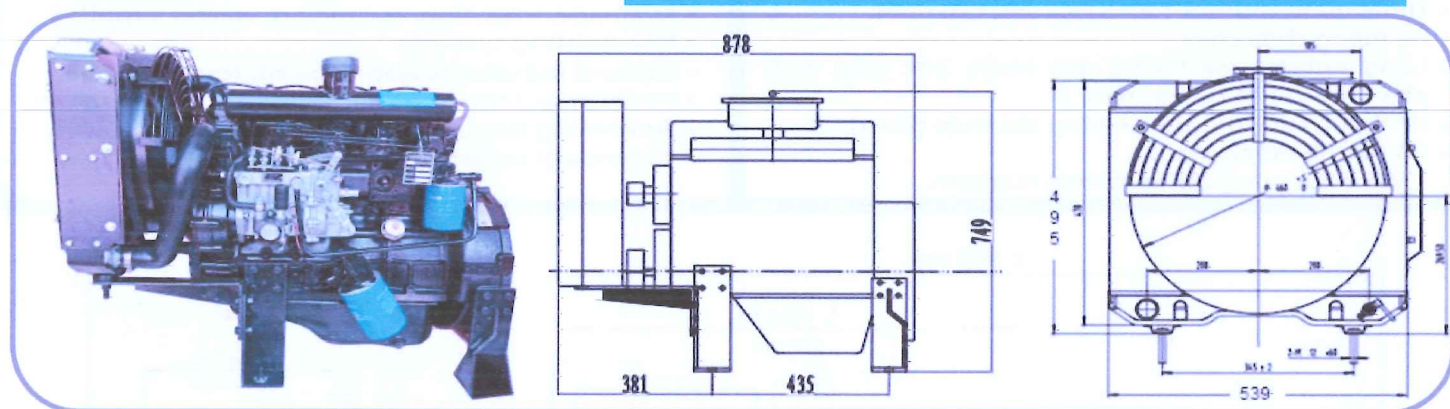
MÁY BƠM NƯỚC MODEL CH

HOWAKI®

MÁY BƠM NƯỚC ĐÔNG CƠ DIESEL



ZH490P DIESEL ENGINE



- Advanced Technology & Design Originated from Ricardo, with more compact structures, engine overhaul can meet more than 12,000 hours;
- Common spare parts could share with Weifang engine's common parts, cheap and easy to get in market;
- Environmental & low fuel consumption, operation with lesser vibration and low noise;

Engine Specification Sheet

Rated Power:	38 KW	Rated Speed (rpm):	2.900
No. of Cylinders:	4	Type:	Vertical in-line, water cooling, 4-stroke
Bore & Stroke (mm):	90 x 100	Displacement (L):	2.540
Compression ratio:	18:1	Fire order:	1-3-4-2
Oil temperature	$\leq 95 (^{\circ}\text{C})$	The water temperature of cooling water:	75 - 90 ($^{\circ}\text{C}$)
Calibration speed oil pressure:	0.2 - 0.4MPa	Idle oil pressure:	$\geq 0.098\text{MPa}$
Exhaust Temperature (before the vortex)	$\leq 500 (^{\circ}\text{C})$	Oil level:	Superior CD15W/40
Min. Fuel Consumption	$\leq 253 \text{ g/kW.h}$	Oil Consumption	$\leq 1 \text{ g/kW.h}$
Aspiration ^(*) :	NA	Cooling method:	Close water-cooling
Governor Type:	Mechanical	Starting Method:	Electric, 12V
Lubrication Method:	Splash compound	Combustion Method:	Direct Injection
Fuel delivery advance angle:	$12 \pm 1^{\circ}$	Fuel Type:	National standard diesel
Crankshaft rotation direction (from the flywheel end):	Counterclockwise	Fuel Consumption (100% load):	11 L/h
Dimension (mm)	878 x 575 x 749	Net Weight (kg):	240

*) : TCI = Turbocharged and Intercooled, TC= Turbocharged, NA= Natural Aspirated

Note: Due to continuous development and product improvements, the engine's specification/ details are subject to change without prior notice.



(13)

MÁY BƠM NƯỚC MODEL CH

HOWAKI®



ISO: 9001 : 2015
TCVN 5699-2-41:2007

M.S.N: 0314392622
CÔNG TY TNHH

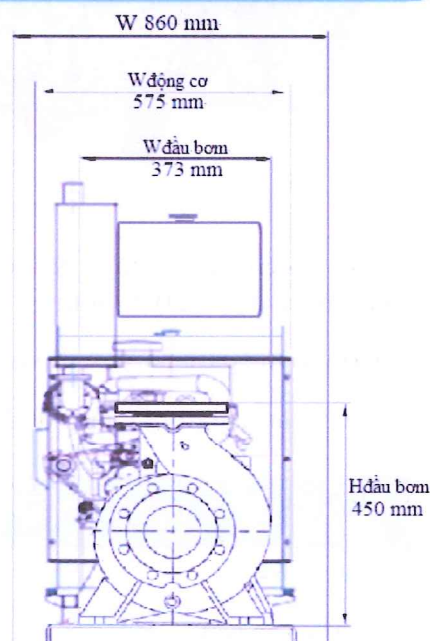
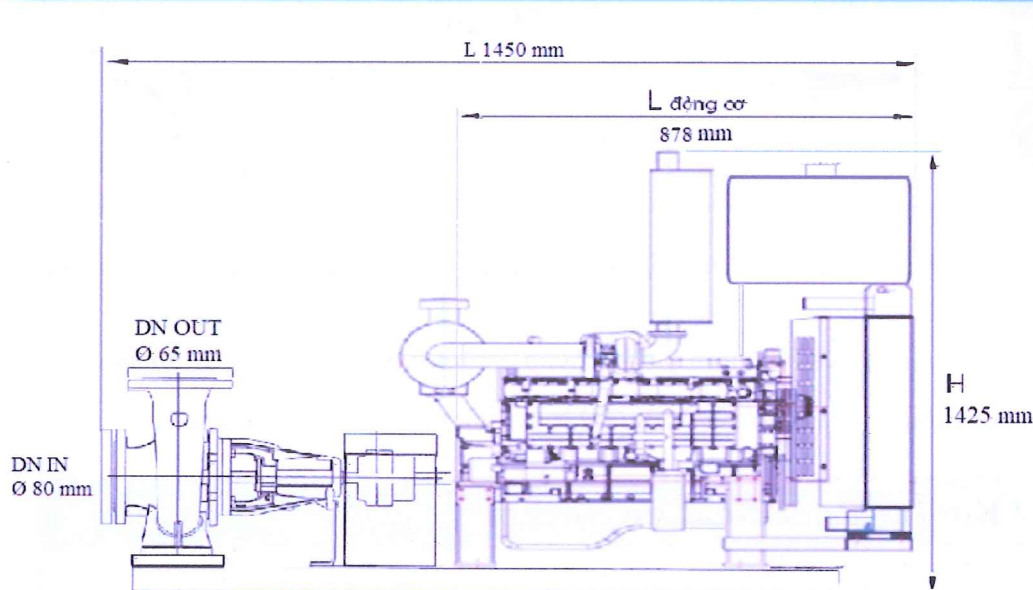
ỨNG DỤNG

- Xây dựng, nhà dân dụng
- Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước
- Hệ thống chữa cháy
- Công nghiệp (Hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
- Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
- Hồ bơi, hệ thống rửa ...

* Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

APPLICATION

- Building
 - Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies
 - Fire-fighting systems
 - General industry (plastics, paint, textiles, paper)
 - Heating systems, air-conditioning, cooling tower
 - Swimming pool, washing systems...
- * Standard supply with counter-flange



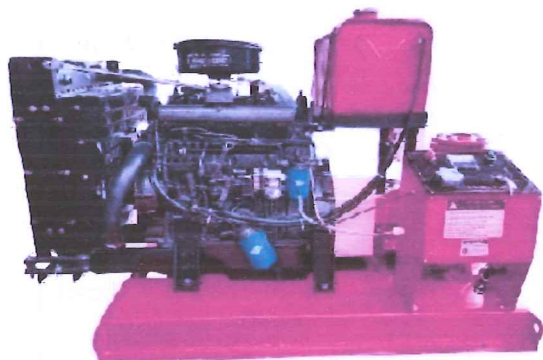
THÔNG SỐ KỸ THUẬT BƠM CHỮA CHÁY

CH 65 - 250 A

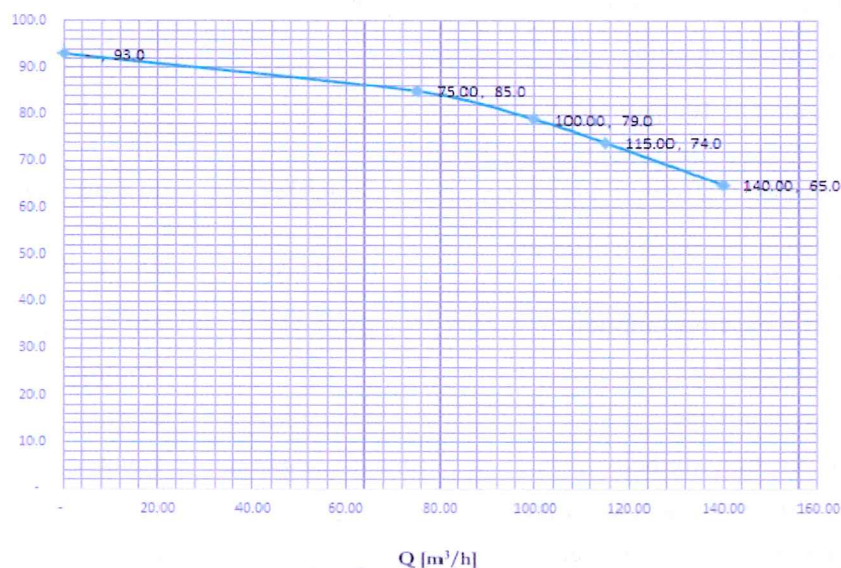
KW = 37.5 - HP = 50

Q (m³/h) = 75 - 140

H (m) = 85 - 65

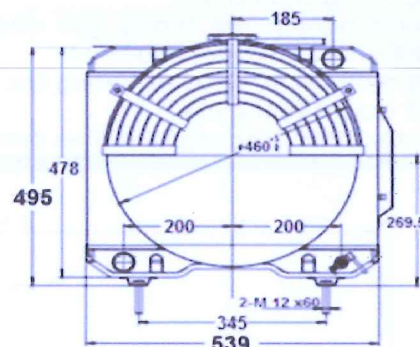
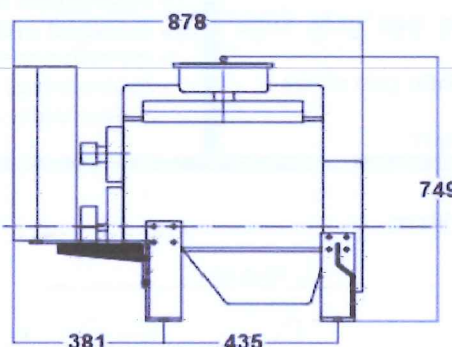
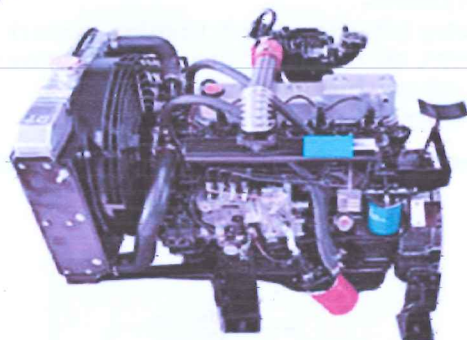


H
[m]



Q [m³/h]

TYPE	POWER	Q (m³/h)					impeller (mm)	weight (kg)
		0.00	75.00	100.00	115.00	140.00		
	HP	H (m)						
CH 65-250 A	50	93.0	85.0	79.0	74.0	65.0	265	475

**HOWAKI®****MÁY BƠM NƯỚC ĐỘNG CƠ DIESEL**ISO: 9001 : 2015
TCVN 5699-2-41:2007**ZH490ZP DIESEL ENGINE**

- Advanced Technology & Design Origin from Ricardo, with more compact structures, engine overhaul can met more than 12000 hours;
- Common spare parts will share Weifang engines common parts, cheap and easy to get in current market;
- Environmentally Operation Fuel consumption will lower 260g/kw.h, with lesser vibration, noise;

Engine Specification Sheet

Rated Power:	50 KW	Rated Speed (rpm):	2.900
No. of Cylinders:	4	Type:	Vertical in-line, water cooling ,4-stroke
Bore & Stroke (mm):	90 x 100	Displacement (L):	2.540
Compression ratio:	18:1	Fire order:	1-3-4-2
Engine Oil Temperature:	≤ 95 (°C)	The water temperature of cooling water:	70 - 90 (°C)
Calibration speed oil pressure:	0.2 - 0.4MPa	Idle oil pressure:	≥ 0.098MPa
Exhaust Temperature (before the vortex)	≤ 500 (°C)	Oil level:	Superior CD15W/40
Min. Fuel Consumption	≤ 253 g/kW.h	Oil Consumption	≤ 1 g/kW.h
Aspiration (*):	TC	Cooling method:	Close water-cooling
Governor Type:	Mechanical	Starting Method:	Electric
Lubrication Method:	Splash compound	Combustion Method:	Direct Injection
Fuel delivery advance angle:	12 ± 1°	Fuel Type:	National standard diesel
Crankshaft rotation direction (from the flywheel end):	Counterclockwise	Fuel Consumption (100% load):	11 L/h
Dimension (mm)	878 x 575 x 749	Weight (kg):	275

*) : TCI = Turbocharged and Intercooled, TC= Turbocharged, NA= Natural Aspirated

Note:

Due to continuous development and product improvements, the engine's specification/ details are subject to change without prior notice.